TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2025/DSST
Ngày: 23/6/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh B.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn N**

Bà **Trần Kim C**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Võ Anh T -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Q** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2025/QĐST-DS ngày 05/6/2025, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh N,** sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Thọ Khương, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/3/2025).

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

+ Bị đơn: **Phan Thị Mỹ H**, sinh năm 1974 (tên thường gọi Phan Thị Mười)

Nguyễn Văn S, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: ấp Phú Qúi, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Phạm Ngọc L, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Thọ Khương, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Chị Pg có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện ủy quyền nguyên đơn chị P trình bày:

Chị N và chị Phan Thị Mỹ H tên thường gọi là Phan Thị M có mối quan hệ quen biết nhau. Chị H và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng.

Chị N là đầu thảo hụi, chị H có tham gia chơi hụi với chị N: Hụi khui ngày 20/02/2022 âm lịch, hụi tháng 1.000.000đồng, dây hụi có 25 phần, chị H tham gia một phần. Hụi mãn ngày 20/02/2024 âm lịch. Chị H hốt lần khui hụi thứ hai vào ngày 20/3/2022 âm lịch, chị kiêu 300.000đồng, chị hốt được số tiền 17.500.000đồng, tôi đã giao hụi cho chị H vào ngày 20/3/2022, chị H phải đóng lại 23 kỳ hụi chết nhưng chị H chỉ đóng đươc 04 kỳ, còn nợ là 19 kỳ với số tiền 19.000.000đồng. Hiện chị H còn nợ tôi số tiền hụi là 19.000.000đồng.

Đồng thời chị N có cho chị Phan Thị Mỹ H vay số tiền như sau:

Ngày 20/02/2022 chị H vay chị N số tiền 19.200.000đồng để xoay sở công việc gia đình, không tính lãi, thời hạn trả 01 tháng.

Ngày 16/3/2023 âm lịch chị H tiếp tục vay chị N số tiền 48.000.000đồng, đây là tiền bán vàng để cho chị H mượn, vàng này của vợ chồng tôi (chồng chị tên Phạm Ngọc L, sinh năm 1975, địa chỉ cùng với chị), anh L bán để cho chị H mượn tiền và tiền mượn sau là 20.000.000đồng, số tiền này có làm giấy tờ do chị H ký tên với tên thường gọi ở nhà là Phan Thị M. Tổng cộng chị H nợ chị N là 68.000.000đồng, đã trả được 27.500.000đồng, còn nợ lại 40.500.000đồng. Tổng cộng chị H nợ tiền hụi và tiền mượn là 78.700.000đồng.

Việc chị H chơi hụi, vay tiền là để xoay sở kinh tế gia đình, anh Nguyễn Văng S là chồng chị H nên anh S có trách nhiệm liên đới trả số tiền này cùng với chị H.

Chị N có đơn xin tự nguyện rút lại yêu cầu đối với tiền hụi, chị N chỉ yêu cầu trả tiền vay là 40.500.000đồng.

Nay, chị yêu cầu chị H, anh S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền vay là 40.500.000đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh S trình bày:

Anh và chị Phan Thị Mỹ H là vợ chồng, chị Phan Thị Mỹ H có tên thường gọi là Phan Thị M.

Trước đây, vợ anh đi làm công cho người ta ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây có mượn tiền tiêu xài anh không biết, vợ anh cũng không có nói cho anh biết, vợ đi làm có tiền về cùng lo chung, ví dụ: anh lo gạo thì vợ anh lo đồ ăn cơm. Việc vợ anh mượn tiền, chơi hụi với bà Nhật, anh không biết.

Nay, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N.

* Bị đơn chị H vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Viện KSND huyện Gò Công Tây đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N: Buộc chị H và anh S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền vay 40.500.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của chị N yêu cầu chị H và anh S trả số tiền nợ hụi 19.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn S, chị Phan Thị Mỹ H (tên thường gọi Phan Thị M) là tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Mỹ H, anh Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh chị.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh S, chị H liên đới trả số tiền nợ vay là 40.500.000đồng, không yêu cầu tính lãi, đối với tiền nợ hụi 19.000.000đồng, chị N xin rút lại yêu cầu.

Xét yêu cầu khởi kiện chị N có cơ cơ sở bởi lẽ giữa chị N, chị H có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là tờ giấy đề ngày 16/3/2023 (AL) với nội dung tiền mượn tổng cộng là 68.000.000đồng và 12 lần trả ký tên xác nhận Phan Thị M.

Theo đơn xin xác nhận ngày 10/3/2025 do chị N cung cấp có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Hựu và biên bản xác minh ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây thì chị Phan Thị Mỹ H có tên thường gọi là Phan Thị M, đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2025 thì anh S là chồng của chị N cũng thừa nhận chị Phan Thị Mỹ H có tên thường gọi là Phan Thị M.

Như vậy, chị H có ký tên Phan Thị M để vay tiền chị N là có xảy ra. Chị H vay số tiền 68.000.000đồng và chị đã trả được 27.500.000đồng, còn nợ lại 40.500.000đồng, chị H không trả nợ đầy đủ cho chị N nên chị H đã vi phạm hợp đồng, vi phạm thỏa thuận, làm thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2025, anh S cho rằng, trong thời gian chị H đi làm công cho người ta, chị H mượn tiền chị N thì anh không biết, chị H mượn cũng không nói anh biết nhưng anh cho rằng việc chị H đi làm có tiền cùng lo chung gia đình, anh chị là vợ chồng nên anh S cùng liên đới chị H trả tiền cho chị N là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Tòa án nhiều lần mời chị H đến trình bày ý kiến, hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nhưng chị vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như chị không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, cần buộc chị H anh S liên đới trả cho chị N số tiền 40.500.000đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có sơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H, anh S chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471, Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N

Buộc anh Nguyễn Văn S, chị Phan Thị Mỹ H (tên thường gọi Phan Thị M) liên đới trả số tiền 40.500.000đồng *(Bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N cho đến khi thi hành án xong, chị H, anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu anh S, chị H trả số tiền góp hụi là 19.000.000đồng.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Phan Thị Mỹ H, anh Nguyễn Văn S phải chịu số tiền 2.025.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Nguyễn Thị Thanh N số tiền tạm ứng án phí 1.967.500đồng theo biên lai số 0010106 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng, chị H, anh S kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Phan Thanh B

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ